

LESSON 2-3**I. NEW WORDS**

1. busy	: nhộn nhịp, bận rộn
2. noisy	: ồn ào, om sòm, huyên náo
3. big	: to, lớn
4. quiet	: yên tĩnh, tĩnh mịch
5. small	: nhỏ, bé
6. flat	: căn hộ
7. grandparents	: ông bà